

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20 -11 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
phân chia nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiềm

Ông Nguyễn Tiến Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/ TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, phân chia nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H

Sinh ngày: 10 tháng 10 năm 1996

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến N

Sinh ngày: 17 tháng 01 năm 1988

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Z, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành J

Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch huyện K - Ngân hàng chính sách và xã hội Việt Nam, địa chỉ: Khối phố W, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2019, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H tự do yêu đương, tìm hiểu và đi đến kết hôn với anh Nguyễn Tiến N trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 18 tháng 5 năm 2017. Tuy nhiên, sau khi bắt đầu cuộc sống hôn nhân một thời gian ngắn, với những khó khăn về kinh tế, về các mối quan hệ trong gia đình, giữa chị H và anh N ngày càng có nhiều quan điểm bất đồng và phát sinh tranh chấp, nghiêm trọng hơn là anh N đánh đập chị H. Việc anh N đánh đập chị H xảy ra nhiều lần, kể cả trong thời gian chị H mang thai và trong thời gian chị H ở cữ. Lúc đầu vì sợ xấu hổ với bạn bè, người thân, sợ ảnh hưởng đến danh dự gia đình, nên chị H cố gắng tha thứ cho anh N và cố gắng vun đắp cho gia đình, tuy nhiên sự cố gắng từ một phía chị H không khiến cuộc sống gia đình hạnh phúc, khi có mâu thuẫn, tranh chấp anh N thường đánh đập chị H. Điển hình là đến ngày 31 – 5 – 2019, anh N đánh đập chị H không thương tiếc, và còn đánh cả bố chị H dẫn đến bố chị H phải ra trạm y tế xã sơ cứu. Nhận thấy, cuộc hôn nhân giữa chị và anh N không hạnh phúc, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng nên chị H đã quyết định yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến N có 01 con chung, là cháu: Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 12 tháng 4 năm 2018. Kể từ sau khi chị H về nhà mẹ đẻ, cháu M thường ở với mẹ tại nhà ngoại và thỉnh thoảng khi anh N được nghỉ làm thì anh đón cháu về ít ngày chơi với ông bà nội. Nếu được Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn với anh N, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Theo trình bày của chị H, hiện nay cháu M chỉ mới hơn 19 tháng tuổi, hơn nữa cháu lại là con gái, xét về quá trình phát triển rất cần sự chăm sóc của người mẹ; về công việc, chị H hiện làm nhân viên bán hàng tại cửa hàng quần áo gần nhà mẹ đẻ có thu nhập ổn định từ 3.000.000 đồng và thời gian làm việc linh hoạt, có đủ thời gian và tài chính để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong khi đó, công việc của anh N chưa ổn định, thường đi làm xa nhà, phần lớn thời gian cháu ở cùng ông bà nội nhưng bà nội cháu (mẹ anh N) lại có bệnh về thần kinh, hay đau ốm. Do đó, xét về điều kiện hai bên, chị H khẳng định chị có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho con chung. Trường hợp được Tòa án chấp nhận, để đảm bảo cho việc nuôi dạy con tốt hơn, chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Quá trình chung sống mặc dù vợ chồng tạo lập được tài sản chung là nhà đất, xe mô tô nhưng trong vụ án này, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án phân chia,

Về nợ chung: Ngày 15 tháng 11 năm 2018, theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, vợ chồng chị H và anh N thỏa thuận với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại hợp đồng tín dụng số: 6600000714043665 để vay Ngân hàng một khoản tiền gốc: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ đến ngày 15 – 11 - 2021, lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn,

hình thức bảo đảm: không. Nếu được Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn, chị H đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ, trong đó chị H chấp nhận trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc 25.000.000 đồng cùng tiền lãi tương ứng, còn yêu cầu anh N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam một nửa khoản nợ là 25.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tương ứng với phần tiền gốc phải trả.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Nguyễn Thị H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Trích lục kết hôn, trích sao hồ sơ hộ khẩu gia đình chị H và anh N, bản sao chứng minh thư nhân dân của chị H, bản sao giấy khai sinh con chung: Nguyễn Ngọc M, bản tự khai của chị H, đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Tiến N đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng anh N không chấp hành nghĩa vụ của mình. Anh N không có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện yêu cầu, nguyện vọng của anh về việc giải quyết vụ án.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận ngày 15 tháng 11 năm 2018, vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến N vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền theo hợp đồng tín dụng số: 6600000714043665 như lời trình bày của chị Nguyễn Thị H. Đến ngày 20 – 11 – 2019, chị H và anh N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 50.000.000 đồng và 54.287 đồng tiền lãi. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, Ngân hàng yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ trên cho cả anh N và chị H, cụ thể: Yêu cầu anh Nguyễn Tiến N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tính đến ngày 20 - 11 – 2019 số tiền gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi 27.144 đồng, yêu cầu anh N thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 20 -11 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 25.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất 0,66%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 15 tháng 11 năm 2021, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; yêu cầu chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền tính đến ngày 20 - 11 – 2019 số tiền gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi 27.144 đồng, yêu cầu chị H thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 20 -11 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 25.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất 0,66%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 15 tháng 11 năm 2021, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn

Chứng minh cho lời trình bày của mình, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Văn bản ủy quyền, Công văn số 84/CV-PGDKA, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ, sổ vay vốn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Tiến N cư trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Tiến N đã được Tòa án triệu tập hợp nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, khai báo. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N;

[2]. Về tình cảm: Tình cảm vợ chồng quan trọng là cần có sự quan tâm, đồng cảm, thấu hiểu và san sẻ cho nhau, những mâu thuẫn có thể có nhưng cần phải được giải quyết và chia sẻ kịp thời để hôn nhân bền vững. Trong khi đó, chị H và anh N thường xuyên bất đồng quan điểm, chưa thấu hiểu nhau, không nhường nhịn nhau dẫn đến ngày càng có nhiều quan điểm bất đồng và phát sinh tranh chấp, và theo lời trình bày của chị H thì khi có tranh chấp mà không thể thống nhất được anh N đánh đập chị H, tình trạng đó xảy ra nhiều lần, kể cả trong thời gian chị H mang thai và trong thời gian chị H ở cữ. Hiện nay chị H và anh N đã sống ly thân, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh N được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nêu rõ những yêu cầu của chị H, nhiều lần được Tòa án báo gọi để tìm hiểu ý kiến, nguyện vọng và hòa giải cho vợ chồng nhưng anh N không có mặt để làm việc và không có bất kỳ ý kiến gì liên quan đến tình cảm vợ chồng. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho chị H ly hôn anh N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con: Chị Nguyễn Thị H có mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, trong khi đó, quá trình giải quyết vụ án, anh N không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng nếu vợ chồng ly hôn. Hiện cháu Nguyễn Ngọc M còn rất nhỏ (19 tháng tuổi), xét về điều kiện chăm sóc, nhu cầu của bé, rất cần có sự gần gũi chăm sóc của người mẹ, Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Ngọc M cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyện vọng của chị H về việc yêu cầu anh Nguyễn Tiến N cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp anh N chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H thì anh N phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

[4]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến N không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[5]. Về nợ chung: Ngày 15 tháng 11 năm 2018, vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến N vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền theo

hợp đồng tín dụng số: 6600000714043665 là: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc, thời hạn trả nợ đến ngày 15 – 11 - 2021, lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm: không. Đến ngày 20 – 11 – 2019, chị H và anh N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 50.000.000 đồng và 54.287 đồng tiền lãi. Mặc dù, thời hạn trả nợ chưa hết, tuy nhiên, sau khi vợ chồng ly hôn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cho vay, cần thiết phải phân chia nghĩa vụ trả nợ cho vợ hoặc chồng, đề nghị của đương sự là chính đáng. Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đều thống nhất về việc chia đôi khoản nợ mà vợ chồng anh N – chị H nợ Ngân hàng, cụ thể: Anh Nguyễn Tiến N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc: 25.000.000 đồng, nợ lãi 27.144 đồng, và tiền lãi tính từ ngày 20 -11 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 25.000.000 đồng theo lãi suất 0,66%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, thời hạn trả nợ đến ngày 15 tháng 11 năm 2021, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, còn chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền tính đến ngày 20 - 11 – 2019 số tiền gốc: 25.000.000 đồng, nợ lãi 27.144 đồng, và tiền lãi tính từ ngày 20 -11 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 25.000.000 đồng theo lãi suất 0,66%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, thời hạn trả nợ đến ngày 15 tháng 11 năm 2021, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến của các đương sự là phù hợp, đúng pháp luật, nên chấp nhận sự thỏa thuận đó.

[6]. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, ngoài ra, chị H còn phải chịu 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Anh Nguyễn Tiến N là người có nghĩa vụ cấp dưỡng do đó phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra, anh N còn phải chịu 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Khoản 6 điều 26 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[7]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị H, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Tiến N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 6 điều 26, Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào các Điều 56, 60, 81, 82 , 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn anh Nguyễn Tiến N. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến N;

- Giao cháu Nguyễn Ngọc M – sinh ngày: 12 – 4 – 2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung, anh Nguyễn Tiến N có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) để cùng nuôi con chung với chị H. Trường hợp anh N chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H thì anh N phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Anh Nguyễn Tiến N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị H và các thành viên trong gia đình chị H không được ngăn cấm, cản trở.

Anh Nguyễn Tiến N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền tính đến ngày 20 - 11 – 2019 là: 25.000.000 đồng tiền gốc, 27.144 đồng tiền lãi, và tiền lãi tính từ ngày 20 -11 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 25.000.000 đồng theo lãi suất 0,66%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, thời hạn trả nợ đến ngày 15 tháng 11 năm 2021, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền tính đến ngày 20 - 11 – 2019 là: 25.000.000 đồng tiền gốc, 27.144 đồng tiền lãi, và tiền lãi tính từ ngày 20 -11 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 25.000.000 đồng theo lãi suất 0,66%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, thời hạn trả nợ đến ngày 15 tháng 11 năm 2021, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 1.550.000đ (bằng chữ: *một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005511 ngày 13 - 8 – 2019. Tiền án phí chị H đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Tiến N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng và 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí

phân chia nghĩa vụ trả nợ. Tổng số tiền lãi anh Nguyễn Tiến N phải chịu là 1.550.000đ (bằng chữ: *một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Tiến N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị H;
- Bị đơn: Anh N
- Người có ql, nv liên quan;
- VKS nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Hoàng